CHÍNH TRỊ - LUẬT

HOA KỲ VÀ VẤN ĐỀ VŨ KHÍ HẠT NHÂN DƯỚI CHÍNH QUYỀN REAGAN

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy
Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn

Một trong những đặc điểm nổi bật trong chính sách của chính quyền Reagan (1981-1988) là tái vũ trang, đặc biệt là vũ trang hạt nhân, để giành ưu thế quân sự của Mỹ. Bài viết này đặt trọng tâm vào chính sách của chính quyền Reagan đối với vấn đề vũ khí hạt nhân, góp phần tìm hiểu về Hoa Kỳ ở lĩnh vực này trong phần lớn thập niên cuối cùng của cuộc Chiến tranh Lạnh.

1. Chính sách hạt nhân của chính quyền Reagan

Từ cuối thập niên 1970, do sự tan vỡ của quá trình hòa dịu Mỹ - Xô, cả Hoa Kỳ và Liên Xô cùng đẩy mạnh chạy đua vũ trang hạt nhân và tăng cường triển khai vũ khí hạt nhân ở châu Âu. Ngoài ra, lợi dụng thời gian Hoa Kỳ lún sâu vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Liên Xô đã tranh thủ xây dựng lực lượng quân sự, đặc biệt là vũ khí hạt nhân. Kết quả là so sánh lực lượng vũ khí hạt nhân của Hoa Kỳ và Liên Xô vào đầu thập niên 1980 đã có nhiều thay đổi, với cán cân nghiêng về phía Liên Xô ở một số hạng mục.

Lực lượng vũ khí hạt nhân của Hoa Kỳ và Liên Xô cuối thập niên 1970 đầu thập niên 1980

Loại vũ khí	Hoa Kỳ	Liên Xô
Tên lửa đường đạn xuyên lục địa (ICBM)	1.052	1.398
Tàu ngầm phóng tên lửa đường đạn (SSBM)	31 Poseidon; 2 Trident	24 Yankee; 38 Delta; 8 Hotel; 1 Typhoon
Tên lửa đường đạn phóng từ tàu ngầm (SLBM)	550	874
Máy bay ném bom tầm xa	330 B-52; 65 FB-111	140 M-4 Bison; Tu-9 Bear; 150 Backfire
Các hệ thống phòng thủ chiến lược	- 120 máy bay đánh chặn tên lửa tầm xa F-106 - 100 tên lửa đất đối không Nike-Hercule - Tên lửa chống vệ tinh phóng bằng máy bay F-15	- 7.000 trạm ra-đa - 2.600 máy bay đánh chặn tên lửa - 10.000 tên lửa SAM - 64 tên lửa phòng thủ Galosh

	- 216 máy bay P-3 - 69 tàu ngầm hạt nhân tấn công - 40 tàu ngầm tấn công SSN-668, gồm cả hạt nhân và thông thường - 2 hệ thống phòng thủ tên lửa đường đạn, 1 ở độ cao 300.000 feet và 1 ở độ cao 50.000 feet (1ft=0,304m)	- 36 bệ phóng tên lửa Galosh - 220 tàu ngầm phòng thủ, 60% số này mang ngư lôi có đầu đạn hạt nhân
Vũ khí hạt nhân chiến thuật (chiến trường)	- Máy bay ném bom tầm xa F-111, F-4 Phantom, A6/7 - Tên lửa đường đạn tầm trung và tầm gần Pershing IA, Pershing II, Tomahawk, Lance - Pháo 155mm có khả năng phóng đạn pháo mang đầu đạn hạt nhân, mìn sát thương hạt nhân	- Máy bay ném bom tầm xa Tu-16 Badger, Tu-22 Blinder, Tu-26 Backfire - Tên lửa tầm xa: SS-4, SS-5, SS-20 - Tên lửa đường đạn tầm gần SS-12, SS-22, Scud B, FROG, SS-X-23 - Hệ thống phòng thủ hạt nhân mặt đất Su-24 Fencer - Máy bay chiến đấu có khả năng mang bom hạt nhân MiG-23/27 Flogger, Su-7, Su-17 Fitter

Nguồn: *Toward Nuclear Disarmament and Global Security: A Search for Alternatives. Burns H. Weston. Ed. Westview Press / Boulder, Colorado, 1984.*

Thực trạng của sự tương quan về vũ khí hạt nhân giữa Hoa Kỳ và Liên Xô đã góp phần làm cho các nhà lãnh đạo theo đường lối cứng rắn trong chính quyền Reagan chủ trương tăng cường ngân sách quốc phòng để giành lại ưu thế quân sự, đặc biệt là vũ khí hạt nhân. Trong bài phát biểu ngày 18-11-1981, Tổng thống Reagan cho rằng ưu thế vũ khí hạt nhân của Liên Xô cũng như việc tăng cường triển khai loại vũ khí này của Liên Xô ở châu Âu trong thời gian qua là một sự đe dọa đối với Hoa Kỳ và các nước đồng minh Tây Âu của Mỹ. Theo Reagan, để đối phó với mối đe dọa này, Hoa Kỳ và các nước đồng minh cần phải thực hiện một chính sách ngăn chặn, cụ thể là phải tạo ra một mối đe dọa tương xứng với Liên Xô. Điều này cũng có nghĩa là Hoa Kỳ sẽ tăng cường cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Reagan cũng cảnh báo rằng Hoa Kỳ và các nước đồng minh NATO chỉ từ bỏ kế hoạch tăng cường lực lượng hạt nhân ở châu Âu trừ phi Liên Xô dỡ bỏ các hệ thống tên lửa đã lắp đặt ở các nước Đông Âu dọc theo biên giới với Tây Âu. Cuối cùng Reagan kêu gọi Hoa Kỳ và Liên Xô tiến hành đàm phán về cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược cũng như vũ khí thông thường và coi đây là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Mỹ trong thời gian sắp tới.[1]

Trong một tuyên bố khác ngày 23-11-1982, Tổng thống Reagan tiếp tục giải thích về chính sách hạt nhân của Mỹ. Reagan cho biết ở thời điểm hiện tại Liên Xô đang vượt Mỹ trong chi phí quân sự, gấp từ 2 đến 3 lần, đồng thời vượt Mỹ trong một số chủng loại vũ khí, cả hạt nhân và thông thường, và có thêm nhiều loại vũ khí mới. Chính vì vậy, Reagan chủ trương tăng ngân sách

quốc phòng cũng như hiện đại hóa quân sự hơn nữa, kể cả việc sản xuất một số loại vũ khí hạt nhân mới trong đó có tên lửa MX. Reagan còn cho rằng dù có thực hiện những kế hoạch như vậy thì Hoa Kỳ cũng phải mất 5 năm mới đuổi kịp Liên Xô.[2] Trong bài phát biểu ngày 23-3-1983, Tổng thống Reagan nhấn mạnh rằng chỉ khi Mỹ có nhiều vũ khí hạt nhân hơn đối thủ thì mới thực hiện được chính sách ngăn chặn. Sau khi viện dẫn ra các số liệu về đầu đạn hạt nhân của Liên Xô và của Mỹ, Reagan cho rằng Liên Xô đang chiếm ưu thế về vũ khí hạt nhân và sự mất cân đối này buộc Mỹ phải triển khai các loại vũ khí mới cùng với việc yêu cầu Liên Xô tiến hành các cuộc "đàm phán nghiêm túc về kiểm soát vũ trang".[3] Reagan cũng cho rằng nếu Hoa Kỳ không thực hiện các chính sách tái vũ trang cứng rắn thì không buộc được Liên Xô ngồi vào bàn đàm phán.[4]

Với chủ trương chạy đua vũ trang để ngăn chặn sự đe dọa từ Liên Xô và đạt được sự cân bằng về vũ khí hạt nhân chiến lược với Liên Xô, chính quyền Reagan đã tăng chi phí quân sự lên 2 nghìn tỷ USD, mức cao nhất so với các chính quyền tiền nhiệm trong lịch sử nước Mỹ. Đồng thời, chính quyền Reagan đẩy mạnh kế hoạch sản xuất các loại máy bay ném bom B-1 và Stealth, bom hạt nhân, khí độc dùng cho vũ khí hóa học, tàu ngầm Trident II, tên lửa MX, tên lửa Cruise, tên lửa cơ động Midgetman, cũng như tăng cường xây dựng các đơn vị hải quân và đặc biệt tinh nhuệ. Hệ quả của chính sách chạy đua vũ trang là ngân sách quốc phòng của Mỹ tăng lên nhanh chóng: năm 1980 là 143,9 tỷ USD, năm 1985 tăng lên 294,7 tỷ USD.[5] Để đối phó với những đe dọa từ phía Mỹ trong khung cảnh cuộc đối đầu căng thẳng, Liên Xô cũng lao vào cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Hệ quả là kho vũ khí hạt nhân của Liên Xô từ năm 1980 đến 1986 liên tục tăng.

Số lượng vũ khí hạt nhân của Liên Xô và Hoa Kỳ

Nước	1980	1981	1982	1983	1984	1985	1986
Liên Xô	30.062	32.049	33.952	35.804	37.431	39.187	45.000
Hoa Kỳ	23.916	23.191	23.091	23.341	23.621	23.510	23.410

Nguồn: Global Nuclear Stockpiles, 1945-1997, by Robert S. Norris & William M. Arkin. Bulletin of the Atomic Scientists. November/December 1997. Vol. 53, no. 06.

Như vậy, chính sách chạy đua vũ trang của các cường quốc hạt nhân đã góp phần làm cho tình hình thế giới thêm căng thẳng và đặt thế giới trước nguy cơ hủy diệt của một kho vũ khí hạt nhân lớn. Chính vì vậy, một phong trào đấu tranh chống chạy đua vũ trang hạt nhân đã phát triển mạnh ở các nước Tây Âu và ở ngay nước Mỹ. Ngay từ năm 1981, nhiều cuộc biểu tình đã xảy ra ở Bonn, London, Rome, Amsterdam phản đối việc Mỹ triển khai tên lửa Pershing và tên lửa Cruise ở các nước thuộc khối NATO. Những người biểu tình cũng đồng thời yêu cầu Hoa Kỳ và Liên Xô tiến hành các cuộc đàm phán về hạn chế vũ khí hạt nhân ở châu Âu. Trong số những tiếng nói phản đối chạy đua vũ trang hạt nhân ở Mỹ đáng chú ý là sự phản đối của George F. Kennen, người đã từng nổi tiếng về việc khởi xướng chính sách "ngăn chặn" của Mỹ chống Liên Xô và Chủ nghĩa Cộng sản từ năm 1948. Kennen chỉ trích mạnh mẽ chính sách của chính quyền Reagan đối với Liên Xô và đưa ra khuyến nghị cắt giảm 50% kho vũ khí hạt nhân của cả Hoa Kỳ và Liên Xô. Kennen cũng đề nghị phi hạt nhân hóa phần lớn lãnh thổ châu Âu, cấm thử hạt nhân hoàn

toàn và không sản xuất vũ khí hạt nhân mới. Năm 1983, Hạ nghị Viện Mỹ đã thông qua một nghị quyết về việc không sản xuất vũ khí hạt nhân mới. Cùng năm, các Giám mục Nhà thờ Thiên chúa Mỹ đã đưa ra một thông tri của giám mục dày 150 trang trong đó phản đối vũ khí hạt nhân, gọi đó là thứ vũ khí vô đạo đức vì có khả năng hủy diệt loài người tức hủy diệt "sự sáng tạo của Chúa". Nhiều tổ chức quần chúng khác ở Mỹ cũng phản đối cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân của chính quyền Reagan. Các nhà khoa học Mỹ còn cảnh báo về một "mùa đông hạt nhân", hậu quả của một cuộc chiến tranh hạt nhân nếu xảy ra.[6] Những tiếng nói phản đối mạnh mẽ vũ khí hạt nhân ở châu Âu và ở Mỹ, những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Liên Xô từ năm 1985 đã góp phần đưa hai siêu cường hạt nhân Mỹ - Xô trở lại bàn đàm phán về vấn đề kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân.

2. Chính quyền Reagan và một số vấn đề nổi bật trong lĩnh vực vũ khí hạt nhân

** Chương trình Sáng kiến Phòng thủ Chiến lược (SDI)*

Năm 1983, chính quyền Reagan dự kiến xây dựng một chương trình phòng thủ chống tên lửa đường đạn được lắp đặt trên vũ trụ. Chương trình này sau đó được nhiều người gắn cho cái tên là "Cuộc chiến tranh giữa các vì sao". Cách thức hoạt động của SDI là một hệ thống các chùm tia lade, các chùm hạt cơ bản và các thiết bị đánh chặn của SDI sẽ phát hiện ra các tên lửa đường đạn của Liên Xô bắn vào các mục tiêu trên đất Mỹ. Sau khi phát hiện, hệ thống SDI sẽ đón chặn và phá hủy các tên lửa này trong vũ trụ khi chúng đang trên đường đến mục tiêu. Nhiều người Mỹ cho rằng ý tưởng này của Tổng thống Reagan xuất phát từ nội dung của một bộ phim khoa học viễn tưởng về Chiến tranh Thế giới III khá phổ biến lúc đó ở Mỹ. Vì thế, ngay từ đầu họ đã tỏ ra không tin vào tính khả thi của SDI và khuyên chính quyền Reagan không nên quá phiêu lưu tiền của vào SDI. Mặc dù vậy, giới tài phiệt công nghiệp Mỹ lại ủng hộ chương trình này vì họ nhìn thấy lợi nhuận từ sự đầu tư khoảng 1 nghìn tỷ đô la Mỹ (USD) cho SDI. Còn chính quyền Reagan, đặc biệt là Bộ Quốc phòng Mỹ, coi SDI là "cơ hội cuối cùng" để có thể làm thay đổi sự cân bằng tương đối về mặt quân sự, sử dụng sự hơn hẳn của Mỹ về công nghệ để giành ưu thế cho Mỹ.[7] Trên thực tế, ngoài ý nghĩa chính trị và quốc phòng, chương trình SDI khuyến khích sự nghiên cứu và nâng cao trình độ công nghệ của kỹ thuật lade, siêu máy tính, quang học và viễn thông của Mỹ. Các chuyên gia Mỹ dự tính chương trình SDI sẽ đòi hỏi mức vốn đầu tư khoảng 1 nghìn tỷ USD và sẽ tạo ra giá trị từ 20 đến 25 nghìn tỷ USD của các sản phẩm và các ngành dịch vụ dân dụng. Ngoài ra, chính quyền Reagan tính toán rằng sự nghiên cứu và ứng dụng của chương trình SDI sẽ làm cho nước Mỹ vượt trội các đối thủ chính của Mỹ là Tây Đức và Nhật Bản trong các ngành kỹ thuật cao.[8] Thực tế là chương trình SDI không chỉ thu hút sự tham gia của các công ty lớn của Mỹ trong ngành quân sự như Lockheed, General Dynamics và McDonnell Douglas mà cả các công ty trong ngành dân sự như Ford, General Motors, Bendix-Autolite và General Tire. Vì thế, SDI vừa là một chương trình quân sự lớn, vừa là một chương trình hỗ trợ kinh tế của chính quyền Reagan.

Được sự ủng hộ của giới tài phiệt công nghiệp, bất chấp những lời khuyến cáo và sau đó là sự phản đối và cả chế nhạo, Tổng thống Reagan quyết tâm theo đuổi chương trình SDI. Lập luận của chính quyền Reagan về việc xây dựng chương trình SDI là để làm đối

trọng với một chương trình phòng thủ ra-đa mặt đất của Liên Xô. Đó là hệ thống ra-đa hiện đại ở Krasnoyarsk, một phần quan trọng của hệ thống phòng thủ trên toàn quốc của Liên Xô. Hệ thống này cung cấp sự hướng dẫn bằng tín hiệu ra-đa cho các tên lửa chống tên lửa đường đạn của Liên Xô. Phía Mỹ cho rằng việc Liên Xô lắp đặt hệ thống ra-đa này là vi phạm Hiệp ước ABM mà Liên Xô đã ký với Mỹ năm 1972.(9) Đối với SDI, Reagan cho rằng đây không phải là một chương trình phòng thủ hạt nhân vì thế Hoa Kỳ không vi phạm Hiệp ước ABM. Theo Reagan chương trình SDI là một thứ phòng thủ hoàn hảo, đó là cách để "loại trừ mọi thứ vũ khí nguyên tử".(10) Trong một tuyên bố ngày 13-10-1986, ngay sau khi có cuộc gặp thượng đỉnh Mỹ - Xô ở Reykjavik (Iceland), Tổng thống Reagan đã tiếp tục bảo vệ chương trình SDI với những lý lẽ sau: "SDI là chính sách của Mỹ để đảm bảo rằng Liên Xô sẽ thực hiện những cam kết ở Reykjavik. SDI là chính sách đảm bảo an ninh của Mỹ trong trường hợp Liên Xô không thực hiện những cam kết trịnh trọng của họ. SDI là phương tiện để đưa Liên Xô trở lại với các cuộc đàm phán về kiểm soát vũ trang ở Geneva và Iceland. SDI là chìa khóa cho một thế giới không có vũ khí hạt nhân".(11)

Những lý lẽ bào chữa cho chương trình SDI của chính quyền Reagan không tránh khỏi sự phản đối từ chính người Mỹ. Ngay cả các nhà khoa học Mỹ cũng nghi ngờ tính hiệu quả của chương trình SDI. Theo Jerome B. Wiessner, cựu cố vấn khoa học của Nhà Trắng, ở thời điểm SDI ra đời Hoa Kỳ và Liên Xô mỗi bên có tới hàng chục nghìn vũ khí hạt nhân. Giả sử SDI tiêu diệt được từ 90-95% số vũ khí này thì 5-10% của số còn lại cũng đủ để hủy diệt nền văn minh của nhân loại. Những người Mỹ khác cho rằng dù SDI có hoạt động tốt đi chăng nữa thì chính nó sẽ làm hỏng chính sách ngăn chặn của chính quyền Reagan bởi vì trong khi nó loại trừ mối đe dọa của Liên Xô thì lại tạo điều kiện cho Mỹ được tự do sử dụng vũ khí hạt nhân mà không sợ bị đánh trả.(12) Quan điểm của Liên Xô đối với chương trình SDI thể hiện rõ trong tuyên bố của Tổng bí thư Gorbachev ngày 22-10-1986. Trong tuyên bố Gorbachev nói rằng SDI sẽ tạo ra "sự nguy hiểm cho một cuộc chạy đua vũ trang trong giai đoạn mới trong vũ trụ với các loại vũ khí tiến công để giành ưu thế về quân sự". Theo Gorbachev, những lập luận của chính quyền Mỹ về SDI đã "lừa dối nhân dân Mỹ" vì chương trình này "không hề tăng cường an ninh của nước Mỹ" mà chỉ "làm mất ổn định tình hình chính trị - quân sự, làm suy yếu nền an ninh của cả Hoa Kỳ và thế giới". Vì thế, chính phủ Liên Xô nhìn nhận "SDI là một trở ngại cho việc chấm dứt chạy đua vũ trang, loại bỏ vũ khí hạt nhân và là trở ngại chính cho một thế giới phi hạt nhân". Xuất phát từ quan điểm này, Liên Xô yêu cầu Hoa Kỳ phải hủy bỏ chương trình SDI, phải tìm kiếm sự bảo vệ theo cách khác đó là "xóa bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân và thiết lập một hệ thống an ninh quốc tế toàn diện để loại trừ mọi cuộc chiến tranh, cả hạt nhân lẫn thông thường". Cũng trong tuyên bố này, Gorbachev một lần nữa khẳng định lại lập trường của Liên Xô tại các cuộc gặp thượng đỉnh Mỹ - Xô là "không được để xảy ra một cuộc chiến tranh hạt nhân" vì "trong cuộc chiến tranh đó sẽ không có người chiến thắng".(13) Tuy nhiên, gần cuối nhiệm kỳ của Reagan, Gorbachev không tiếp tục phản đối SDI nữa vì cho rằng chính sự tốn kém và tính không khả thi của chương trình này sẽ tự kết thúc nó. Thực tế đã chứng minh nhận định của Gorbachev là đúng. Những cuộc thử nghiệm của chương trình SDI từ năm 1983 đến năm 1987 không đem lại kết quả như mong muốn của chính

quyền Mỹ. Hơn nữa, chính sách tái vũ trang của chính quyền Reagan đã gây nên những tác động tiêu cực tới nền kinh tế Mỹ mà vụ sụp đổ Thị trường chứng khoán New York ngày 19-10-1987 là một ví dụ. Hệ quả là Quốc hội Mỹ đã cắt chi phí cho chương trình SDI, kết thúc sự tồn tại của nó. Đây là một thất bại trong chính sách chạy đua vũ trang hạt nhân của chính quyền Reagan.

** Hoa Kỳ và Hiệp định về Cơ chế kiểm soát kỹ thuật tên lửa (MTCR)*

Trong thập niên 1980, sự phổ biến của kỹ thuật hạt nhân ngày càng lan rộng trên thế giới. Một số công ty của các nước có kỹ thuật và vũ khí hạt nhân ở châu Âu, đặc biệt là Cộng hòa Liên bang Đức, đã bán thiết bị, nguyên liệu và công nghệ chế tạo tên lửa cho các nước đang phát triển. Ngay cả một số công ty Mỹ cũng bị nghi ngờ là bán thiết bị và công nghệ chế tạo tên lửa cho các nước khác. Mặc dù những nước mua thiết bị và công nghệ của các nước phương Tây có thể chế tạo các tên lửa đường đạn của riêng họ ở mức độ còn chưa cao và chưa thật chính xác nhưng chính quyền Mỹ cho rằng những tên lửa này vẫn có khả năng tấn công. Trước thực tế này, chính quyền Mỹ chủ trương tìm biện pháp ngăn chặn sự phổ biến của kỹ thuật hạt nhân. Năm 1980, Hoa Kỳ đã cấm các công ty Mỹ bán cho các nước đang phát triển các thiết bị quân sự, các thiết bị và nguyên liệu có mục đích sử dụng kép - cả quân sự và dân sự - và có khả năng tham gia vào việc chế tạo tên lửa. Từ tháng 3-1985, chính quyền Reagan đã tìm cách vận động các nước có kỹ thuật hạt nhân tham gia vào một hiệp định về việc thiết lập Cơ chế kiểm soát kỹ thuật tên lửa (MTCR) để ngăn chặn việc phổ biến kỹ thuật hạt nhân. Kết quả là Hoa Kỳ đã cùng với Canada, Pháp, Anh, Cộng hòa Liên bang Đức, Italia và Nhật Bản ký Hiệp định về MTCR tháng 4-1987. Liên Xô, Trung Quốc và Israel không tham gia Hiệp định này. Hiệp định MTCR cấm xuất khẩu tên lửa hoặc các bộ phận và kỹ thuật tên lửa, cấm bán các thiết bị có liên quan đến việc sản xuất các loại tên lửa có cánh và tên lửa đường đạn. Đó là các loại tên lửa có khả năng mang lượng chất nổ ít nhất là 500kg và có tầm bắn là 300km hoặc xa hơn. Hiệp định MTCR cũng cấm xuất khẩu các hệ thống rocket hoàn chỉnh, bao gồm hệ thống tên lửa đường đạn, các thiết bị phóng tên lửa, các thiết bị điều khiển tự động. Ngoài ra, Hiệp định MTCR còn cấm xuất khẩu các bộ phận tên lửa, các loại nhiên liệu rắn và lỏng cũng như các loại thiết bị dùng cho tên lửa đường đạn và tên lửa có cánh.

Theo đánh giá của các chuyên gia về kiểm soát vũ khí hạt nhân, Hiệp định MTCR có ít thành công. Nó không lôi kéo được sự tham gia của các nước chủ chốt trên thị trường công nghệ tiên tiến và kỹ thuật tên lửa, như Liên Xô và Trung Quốc. Trên thực tế, Liên Xô đã bán tên lửa Scud cho Iraq, còn Trung Quốc bán tên lửa Đông Phong CSS-2 với tầm bắn tới 2.000 dặm cho Arập Xêút. Trung Quốc cũng bị nghi ngờ là đã bán tên lửa "Con Tằm" cho Iran và các tên lửa khác cho Libya, Iraq và Syria. Hơn nữa, Hiệp định MTCR không có khả năng ngăn ngừa việc phát triển kỹ thuật tên lửa đường đạn của các nước đã mua được kỹ thuật tên lửa. Ngoài ra, Hiệp định MTCR không ngăn chặn được việc xuất khẩu các loại nguyên liệu được cho là có khả năng sử dụng kép, nghĩa là những nguyên liệu này vừa để sử dụng vào mục đích hạt nhân hòa bình nhưng lại dễ dàng thay đổi để đưa vào sử dụng trong các chương trình vũ khí hạt nhân. Chẳng hạn như Ấn Độ đã mua nguyên liệu và công nghệ hạt nhân rồi sau đó chế tạo thành công loại tên lửa tầm trung Agni có tầm bắn 2.000km. Một nhược điểm

nữa của Hiệp định MTCR là nó không phải là một văn kiện có tính pháp lý và không có ban điều hành để thực hiện việc kiểm soát và trừng phạt đối với các nước vi phạm Hiệp định. Các nước thành viên của Hiệp định MTCR tự kiểm soát việc xuất khẩu nguyên liệu và công nghệ tên lửa của nước mình. Các chuyên gia còn phê phán rằng Hiệp định MTCR không ngăn cản được các nước hợp tác với nhau để chế tạo tên lửa, chẳng hạn như trường hợp Ai Cập đã hợp tác với Argentina và Iraq từ đầu thập niên 1980 để phát triển loại tên lửa SS-1C Condor II có tầm bắn tới 1.000km. Các chuyên gia Mỹ cũng nghi ngờ rằng các công ty lớn của Cộng hòa Liên bang Đức là Messerschmitt-BoyAE41kow-Blohm (MBB) và SNIA-BPD đã tham gia chế tạo loại tên lửa này.(14)

Mặc dù còn những hạn chế, Hiệp định MTCR đã thể hiện mong muốn của các nước thành viên tham gia hiệp định về việc ngăn chặn sự phổ biến của kỹ thuật hạt nhân và sự phát triển vũ khí hạt nhân. Việc các cường quốc hạt nhân, trong đó có Hoa Kỳ, tham gia ký kết Hiệp định MTCR cho thấy tính cấp thiết của việc kiểm soát vũ khí hạt nhân trước thực tế kỹ thuật sản xuất vũ khí hạt nhân đang ngày càng được phổ biến rộng ở nhiều nước. Kết quả hạn chế của việc thực hiện Hiệp định này đòi hỏi các cường quốc hạt nhân phải hợp tác chặt chẽ và hiệu quả hơn nữa để góp phần ngăn chặn sự phổ biến vũ khí hạt nhân trên thế giới.

** Hoa Kỳ với Hiệp ước hủy bỏ vũ khí hạt nhân tầm trung và tầm ngắn (INF)*

Quá trình đàm phán Mỹ - Xô để đi đến việc ký kết Hiệp ước INF trải qua những thăng trầm. Tháng 11-1981, Hoa Kỳ và Liên Xô chính thức bước vào các cuộc đàm phán về INF. Phía Mỹ đưa ra phương án "số 0", theo đó Mỹ sẽ chấm dứt kế hoạch triển khai các loại tên lửa Pershing và tên lửa Cruise mới ở các nước NATO nếu Liên Xô hủy bỏ các loại tên lửa tầm trung đang triển khai ở Đông Âu nhằm vào các mục tiêu ở Tây Âu. Cuối tháng 3-1983, chính quyền Mỹ lại đưa ra phương án "trung gian" cho việc hạn chế vũ khí hạt nhân ở châu Âu. Những đề nghị của chính quyền Reagan không được Liên Xô chấp nhận. Theo quan điểm của Liên Xô, những đề nghị của Mỹ về thực chất làm cho Liên Xô phải thủ tiêu một phần tên lửa bố trí ở châu Âu trong khi đó Hoa Kỳ vẫn có quyền bố trí tên lửa ở khu vực này. Điều này cũng có nghĩa là Liên Xô phải đơn phương giải trừ quân bị.(15) Ngoài ra, sự cố bám lấy chương trình SDI của chính quyền Reagan đã cản trở các cuộc đàm phán về cắt giảm vũ khí chiến lược. Những bất đồng quan điểm cùng những căng thẳng trong quan hệ song phương Mỹ - Xô trong các vấn đề song phương và quốc tế đã làm cho các cuộc đàm phán về INF bế tắc. Kết quả của cuộc gặp thượng đỉnh Reagan-Gorbachev tháng 11-1985 ở Geneva, mặc dù hai bên vẫn còn bất đồng ở một số vấn đề, cùng với sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của chính quyền Gorbachev đã góp phần vào việc nối lại các cuộc đàm phán về vũ khí hạt nhân chiến lược giữa Hoa Kỳ và Liên Xô. Ngoài ra, Liên Xô đã đưa ra các đề nghị về cắt giảm vũ khí hạt nhân đồng thời đơn phương chấm dứt triển khai thêm các loại tên lửa tầm trung và ngừng các cuộc thử hạt nhân.(16) Tại cuộc gặp thượng đỉnh ở Reykjavik tháng 10-1986, Gorbachev đưa ra đề nghị cả Hoa Kỳ và Liên Xô cùng cắt giảm 50% kho vũ khí hạt nhân để đổi lấy việc bãi bỏ trên thực tế chương trình SDI của Mỹ. Đối với Liên Xô việc cắt giảm vũ trang hạt nhân sẽ làm giảm gánh nặng tài chính đối với nền kinh tế và có thêm tiền đầu tư cho các dự án dân sự. Đối với Mỹ, chính quyền Reagan đồng ý cắt giảm 50% kho vũ khí hạt nhân của Mỹ

nhưng là để giành tiền cho việc tiếp tục chương trình SDI.[17] Điều này thể hiện chính sách hạt nhân cứng rắn của chính quyền Reagan.

Sau một quá trình đàm phán khó khăn, cuối cùng Hiệp ước INF đã được Hoa Kỳ và Liên Xô ký ngày 8-12-1987. Bản Hiệp ước gồm 17 điều khoản, kèm theo Bản ghi nhớ và các Nghị định thư. Nội dung chính của Hiệp ước INF qui định: 1) Hoa Kỳ và Liên Xô sẽ loại bỏ tất cả tên lửa tầm trung và tầm ngắn. Liên Xô sẽ hủy bỏ 331 tên lửa SS-12, 11 tên lửa SS-4 bố trí trên lãnh thổ Liên Xô ở châu Âu và một phần ở châu Á, từ 300 đến 350 tên lửa SS-12, SS-23 bố trí ở một số nước Đông Âu. Mỹ sẽ hủy bỏ 108 tên lửa Pershing II và 260 tên lửa Cruise đặt trên mặt đất bố trí ở Cộng hòa Liên bang Đức, Anh, Italia, Bỉ và hủy bỏ 72 tên lửa Pershing IA bố trí ở Cộng hòa Liên bang Đức; 2) Hai nước không chuyển những tên lửa và bệ phóng trên sang những hệ thống vũ khí khác, không chuyển nhượng chúng cho nước thứ ba, không tiếp tục nghiên cứu, sản xuất và triển khai chúng trên mặt đất; 3) Hai nước thực hiện các biện pháp nghiêm ngặt, có hiệu quả (mỗi bên được tiến hành các cuộc thanh sát trong 13 năm và các biện pháp riêng để kiểm chứng); 4) Thời gian phá hủy tên lửa tầm trung xa là 3 năm, tên lửa tầm trung ngắn là 18 tháng (sau khi hiệp ước có hiệu lực); 5) Mỗi nước có quyền rút khỏi hiệp ước trong trường hợp cần bảo vệ chủ quyền của mình.

Trong tuyên bố chung cấp cao Mỹ - Xô ngày 10-12-1987, Tổng thống Reagan và Tổng bí thư Gorbachev cho rằng Hiệp ước INF "là một Hiệp ước lịch sử xét cả về mục tiêu - hủy bỏ hoàn toàn cả một loạt vũ khí hạt nhân của Liên Xô và Hoa Kỳ - lẫn tính chất mới mẻ và quy mô của những biện pháp kiểm soát được quy định trong đó. Thành tựu chung đó đóng góp hết sức quan trọng vào việc củng cố sự ổn định".[18] Mặc dù vậy, một số chuyên gia Mỹ vẫn cho rằng Hiệp ước INF mang tính tượng trưng hơn là thực tiễn vì số lượng vũ khí hạt nhân của cả Hoa Kỳ và Liên Xô bị phá hủy theo qui định của Hiệp ước chỉ chiếm chưa đầy 4% của 50.000 vũ khí hạt nhân các loại lúc này.[19] Sự đánh giá này cho thấy hạn chế của Hiệp ước INF. Theo đánh giá của cựu Đại sứ Liên Xô tại Mỹ Anatoly Dobrynin, Liên Xô đã đạt được Hiệp ước INF với một giá đắt bởi vì đã phải nhượng bộ nhiều hơn Mỹ. Liên Xô phải hủy tất cả các tên lửa SS-20 không chỉ ở phần lãnh thổ châu Âu của Liên Xô mà ở cả phần lãnh thổ châu Á. Đó là những tên lửa nhằm chống lại các căn cứ quân sự của Mỹ ở Nhật Bản và Ấn Độ Dương và là đối trọng với vũ khí hạt nhân của Trung Quốc. Ngoài ra, Liên Xô cũng phải hủy bỏ loại tên lửa đời mới là SS-23 mà Liên Xô đã phải tiêu tốn hàng tỷ Rúp để chế tạo. Cũng theo Dobrynin, những nhượng bộ của Liên Xô đối với Mỹ trong vấn đề vũ khí hạt nhân nói riêng và giải trừ quân bị nói chung đã làm cho mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Liên Xô trở nên sâu sắc và góp phần đặt Liên Xô vào tình thế khó khăn trước mắt và lâu dài ở các phương diện khác nhau vì Liên Xô chưa chuẩn bị đầy đủ trước khi thực hiện những nhượng bộ đó.[20] Tài liệu của Mỹ cũng xác nhận rằng với việc ký Hiệp ước INF, Liên Xô đã nhượng bộ Mỹ 120% sau khi chấp nhận phương án "số 0" của Mỹ.[21] Sự nhượng bộ lớn của Liên Xô đối với Hiệp ước INF đã giải thích cho việc Thượng nghị viện Mỹ nhanh chóng phê chuẩn Hiệp ước này tháng 5-1988 với tỷ lệ thuận cao: 93 ủng hộ và 5 phản đối.

Dù sao sự nhượng bộ của Liên Xô không phải là vô ích. Hiệp ước INF đã có những ý nghĩa rất quan trọng trên các phương diện chính trị, quân sự và quan hệ quốc tế. Trước hết, nó góp phần đáng kể làm cho quan hệ Mỹ - Xô trở lại

hòa dịu cũng như làm giảm bớt sự đối đầu ở khu vực châu Âu. Sự trao đổi các chuyến thăm giữa người Mỹ và người Nga ở các cấp và các ngành khác nhau, đặc biệt là giới quân sự, tăng lên nhanh chóng. Đồng thời, Liên Xô thực hiện rút một lực lượng lớn quân đội ra khỏi châu Âu: 50.000 quân và 10.000 xe tăng trong vòng hai năm. Thứ hai, sự hòa dịu Mỹ - Xô đã tạo điều kiện cho việc giải quyết một loạt các cuộc xung đột khác trên thế giới trong đó cả Hoa Kỳ và Liên Xô cùng can dự, điển hình là cuộc xung đột ở Angola và ở Afghanistan. Ngoài ra, Hiệp ước INF đã phần nào đáp ứng đòi hỏi của phong trào đấu tranh của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới chống chạy đua vũ trang, đòi thủ tiêu vũ khí hạt nhân trong khung cảnh vũ khí hạt nhân trở nên phổ biến nhiều hơn trên khắp các châu lục. Mặc dù còn hạn chế, Hiệp ước INF nhanh chóng được Hoa Kỳ và Liên Xô thực hiện. Ngày 1-8-1988, Liên Xô bắt đầu phá hủy các tên lửa SS-12 tại bãi thử Saruozevt (Kazakhstan). Ngày 8-8-1988, tại một căn cứ quân sự ở gần thành phố Sarnu (Ukraine), Liên Xô tiến hành hủy bỏ các bệ phóng và phương tiện vận chuyển tên lửa SS-20. Ngày 28-8-1988, Liên Xô đã phá hủy 3 tên lửa đầu tiên trong số 600 chiếc SS-20 phải phá hủy. Tính đến 30-11-1988, Liên Xô đã phá hủy hơn 600 tên lửa tác chiến và huấn luyện tầm trung và tầm ngắn, chiếm khoảng 1/3 số vũ khí mà Hiệp ước INF quy định Liên Xô phải hủy bỏ. Ngày 31-5-1991, Mỹ đóng cửa căn cứ tên lửa đường đạn tầm trung Pershing II cuối cùng ở châu Âu, theo những điều khoản được ký trong Hiệp ước INF. Như vậy, Hiệp ước INF đã cắt giảm được một số lượng đáng kể kho vũ khí hạt nhân trên thế giới.

Nhìn chung, chính sách tái vũ trang, đặc biệt là vũ trang hạt nhân, của chính quyền Reagan ở mức độ nhất định đã để lại những hậu quả tiêu cực cho Hoa Kỳ. Trong thời kỳ này, ngân sách của Chính phủ Mỹ lâm vào tình trạng thiếu hụt lớn. Vào đầu năm 1980, sự thiếu hụt ngân sách của Chính phủ Liên bang là 908 tỷ USD, năm 1986 con số này là 2,1 nghìn tỷ USD. Vào năm 1989, nợ nước ngoài của Mỹ lên tới 650 tỷ USD. Đồng thời, Mỹ đã mất vị trí dẫn đầu trong tổng sản phẩm công nghiệp của thế giới và trong các ngành công nghiệp kỹ thuật như truyền hình, ôtô, lắp máy, bán điều khiển. Các đồng minh của Hoa Kỳ ở châu Âu không chỉ vượt Mỹ về một số chỉ số kinh tế, mà còn tìm cách độc lập hơn với Mỹ trong các vấn đề ở khu vực cũng như trên thế giới, kể cả sự hợp tác kinh tế với Liên Xô, bất chấp sự cản trở của Mỹ.[22] Ở khu vực Mỹ Latinh, nơi các chính quyền Mỹ vẫn coi là "sân sau" của nước Mỹ, một số chính phủ các nước Mỹ Latinh, ngoài Cu Ba, đã không tuân theo cây gậy chỉ huy của Mỹ. Một số sự kiện điển hình là Argentina bán lương thực cho Liên Xô năm 1980 trong lúc Mỹ đang cấm vận Liên Xô; Chile và Peru đã mua vũ khí của Liên Xô thay cho vũ khí của Mỹ.[23] Ngoài ra, uy tín của Mỹ ở Liên hợp quốc cũng bị suy giảm. Nếu như trong những năm 1950, có tới 70% thành viên Đại hội đồng Liên hợp quốc bỏ phiếu ủng hộ Mỹ thì đến thập niên 1970, con số này là 30% và vào đầu những năm 1980 chỉ còn 20%. Năm 1983 có tới 108 nước trên tổng số 217 nước bỏ phiếu ở Đại hội đồng Liên hợp quốc lên án cuộc xâm lược của Mỹ ở Grenada. Đối với vấn đề vũ khí hạt nhân, chính sách hạt nhân cứng rắn của chính quyền Reagan đã không đem lại kết quả như mong muốn. Điều này thể hiện rõ qua sự thất bại của chương trình SDI. Sự tham gia của Mỹ vào Hiệp định MTCR thực chất là để giữ độc quyền kỹ thuật hạt nhân cho Mỹ. Đối với Hiệp ước INF, sự nhượng bộ của Liên Xô nhiều hơn trong Hiệp ước này

cho thấy chính quyền Mỹ vẫn chưa thực sự từ bỏ ý đồ giành ưu thế về quân sự nói chung và ưu thế về vũ khí hạt nhân nói riêng trong quan hệ quốc tế. Đây cũng chính là biểu hiện của tham vọng bá chủ thế giới của chính quyền Mỹ ■

Tài liệu tham khảo:

1. Dobrynin, Anatoly. *Đặc biệt tin cậy: Vị đại sứ ở Washington qua sáu đời Tổng thống Mỹ*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2001.
2. Hixson, Walter L. *Nuclear Weapons and Cold Wear Diplomacy*. From Modern American Diplomacy, John M. Carrol & George C. Herring. SR Books. Delaware, 1996.
3. *Intermediate-Range Nuclear Forces Treaty, December 1987*. From: http://www.fas.org/nuke/control/inf/text/inf.htm
4. LaFeber, Walter. *America, Russia, and the Cold War, 1945-1996*. The McGraw-Hill Companies, Inc. New York, 1997.
5. Lê Bá Thuyên. *Hoa Kỳ - Cam kết và Mở rộng*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1997.
6. McCormick, Thomas J. *America's Half-Century: United States Foreign Policy in the Cold War and After*. The Johns Hopkins University Press. Baltimore, 1995.
7. *Một bước mở đầu tốt đẹp của cuộc đấu tranh loại trừ vũ khí hạt nhân*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1988.
8. Paterson, Thomas G., Merrill, Dennis. *Major Problems in American Foreign Relations*. Vol. II. D. C. Heath & Company. Massachusetts, 1995.
9. Paterson, Thomas G., Clifford, J. Garry & Hagan, Kenneth J. *American Foreign Relations - A History Since 1895*. Volume II. Houghton Mifflin Company. New York, 2000.
10. Reagan, Ronald. *Address on Arms Control Negotiations, November 18, 1981*. From Great Issues in American History, edited by Richard & Beatrice Hofstadter. Vintage Books. New York, 1982.
11. *Soviet/Russian Nuclear Weapons*. http://fas.org/nuke/guide/russia/doctrine
12. Starr, Barbara. *Controlling the Spread of Ballistic Missiles*. From Jane's Defence Weekly, April 22, 1989.
13. *Một bước mở đầu tốt đẹp của cuộc đấu tranh loại trừ vũ khí hạt nhân*. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1988.
14. Williams, Robert C. & Cantelon, Philip L. *The American Atom: A Documentary History of Nuclear Policies from the Discovery of Fission to the Present, 1939-1984*. Univ. of Pennsylvania Press, Philadelphia, 1984.

Chú thích:

1. Ronald Reagan. Address on Arms Control Negotiations, November 18, 1981. From Great Issues in American History, edited by Richard & Beatrice Hofstadter. Vintage Books. New York, 1982. Tr. 581-585.
2. Robert C. Williams & Philip L. Cantelon. The American Atom: A Documentary History of Nuclear Policies from the Discovery of Fission to the Present, 1939-1984. University of Pennsylvania Press, Philadelphia, 1984. Tr. 234-237.
3. Walter LaFeber. America, Russia, and the Cold War, 1945-1996. Eight Edition. The McGraw-Hill Companies, Inc. New York, 1997. Tr. 314.
4. Thomas G. Paterson & Dennis Merrill. Major Problems in American Foreign Relations. Vol. II: Since 1914. D. C. Heath & Company. Massachusetts, 1995. Tr. 711-714.
5. Thomas G. Paterson, J. Garry Clifford & Kenneth J. Hagan. American Foreign Relations - A History Since 1895. Volume II. Houghton Mifflin Company. New York, 2000. Tr. 431.
6. American Foreign Relations, sđd, tr. 435.
7. Anatoly Dobrynin. Đặc biệt tin cậy: Vị đại sứ ở Washington qua sáu đời Tổng thống Mỹ. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2001. Tr. 1095.
8. Thomas J. McCormick. America's Half-Century: United States Foreign Policy in the Cold War and After. Second Edition. The Johns Hopkins University Press. Baltimore and London, 1995. Tr. 299-230.
9. Tham khảo Đặc biệt tin cậy, sđd, tr. 1103.
10. American Foreign Relations, sđd, tr. 437.
11. Major Problems, sđd, tr. 716-717.
12. Tham khảo American Foreign Relations, sđd, tr. 437.
13. Major Problems, sđd, tr. 717-720.
14. Barbara Starr. Controlling the Spread of Ballistic Missiles. From Jane's Defence Weekly, April 22, 1989.
15. Tham khảo Đặc biệt tin cậy, sđd, tr. 10180-1019.
16. Tham khảo Một bước mở đầu tốt đẹp của cuộc đấu tranh loại trừ vũ khí hạt nhân. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1988. Tr. 53-35; Đặc biệt tin cậy, sđd, tr. 1168.
17. America's Half Century, sđd, tr. 231
18. Một bước, sđd, tr. 91.
19. Walter L. Hixson. Nuclear Weapons and Cold Wear Diplomacy. From Modern American Diplomacy, John M. Carrol & George C. Herring, ed. SR Books. Delaware, 1996. Tr. 200.
20. Đặc biệt tin cậy, sđd, tr. 1210-1220.
21. American Foreign Relations, sđd, tr. 439.
22. Tham khảo America, Russia, sđd, tr. 304.
23. Tham khảo American Foreign Relations, sđd, tr. 440-446.